

UBND TỈNH LẠNG SƠN
LIÊN NGÀNH SỞ KẾ HOẠCH
VÀ ĐẦU TƯ – SỞ TÀI CHÍNH
- SỞ XÂY DỰNG - SỞ GIAO
THÔNG VẬN TẢI - KHO BẠC
NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 160 /HDLN-SKHĐT-STC-
SXD-SGTVT-KBNN

Lạng Sơn, ngày 01 tháng 8 năm 2018

CÔNG VĂN ĐẾN

Số:.....Thực
Ngày 01 tháng 8 năm 2018

HƯỚNG DẪN LIÊN NGÀNH

Thực hiện cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Liên ngành Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải và Kho bạc nhà nước tỉnh Lạng Sơn hướng dẫn trình tự thủ tục thực hiện Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020, như sau:

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh: Hướng dẫn này áp dụng trong quản lý thực hiện các dự án, công trình đầu tư công quy mô nhỏ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Điều kiện áp dụng: Dự án (gọi tắt là dự án nhóm C quy mô nhỏ) có Tổng mức đầu tư dưới 5 tỷ đồng, kỹ thuật không phức tạp, có thiết kế mẫu hay thiết kế điển hình được UBND tỉnh phê duyệt, địa bàn triển khai thực hiện trên địa bàn 01 xã, Nhà nước hỗ trợ đầu tư một phần, phần còn lại do nhân dân đóng góp và các nguồn khác.

II. HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC QUẢN LÝ, THỰC HIỆN DỰ ÁN.

1. Hồ sơ, trình tự, lập, thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn danh mục dự án nhóm C, quy mô nhỏ.

Bước 1: Lập hồ sơ thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn danh mục dự án nhóm C, quy mô nhỏ.

UBND cấp huyện (UBND huyện, thành phố) trên cơ sở kế hoạch đầu tư trung hạn được HĐND huyện thông qua lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, tờ trình thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho toàn bộ danh mục dự án đầu tư nhóm C quy mô nhỏ thuộc các Chương trình MTQG, trình Sở Kế

hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho toàn bộ danh mục dự án đầu tư nhóm C quy mô nhỏ thuộc các Chương trình MTQG.

- Hồ sơ trình thẩm định gồm:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ (Phụ lục I).

+ Tờ trình đề nghị thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ (Phụ lục II).

+ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ (Phụ lục III).

- Số lượng hồ sơ: 05 bộ (cơ quan chủ trì thẩm định có thể yêu cầu bổ sung số lượng hồ sơ nếu thấy cần thiết).

Bước 2: Trình tự thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

- Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn dự án nhóm C quy mô nhỏ của UBND cấp huyện, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn cho cả danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ thuộc các Chương trình MTQG.

- UBND huyện căn cứ báo cáo thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ thuộc các Chương trình MTQG.

- Thời gian thẩm định và báo cáo thẩm định: không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Bước 3: Trình tự, thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

Sau khi nhận được hồ sơ kèm theo tờ trình đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ của UBND huyện, UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư cho tất cả danh mục dự án nhóm C, quy mô nhỏ.

- Thời gian phê duyệt chủ trương đầu tư: không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

2. Hồ sơ trình tự, thủ tục phê duyệt đầu tư công trình.

2.1. Đối với dự án do UBND xã (cấp xã) làm chủ đầu tư (giao cho Ban Quản lý thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xã tổ chức thực hiện gọi tắt là Ban quản lý xã).

Bước 1. Lập hồ sơ xây dựng công trình.

Căn cứ kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công trung hạn, quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ được UBND tỉnh phê duyệt, Ban quản lý xã lập hồ sơ xây dựng công trình, cụ thể:

- Trình tự lập hồ sơ xây dựng công trình:

+ Ban Quản lý xã lập dự toán đầu tư công trình. Sau khi lập dự toán, Ban Quản lý xã tổ chức họp dân, lấy ý kiến của người dân, thống nhất về các nội dung của dự toán và các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân, đặc biệt phải quan tâm đến việc sử dụng vật liệu tại chỗ để giảm chi phí đầu tư xây dựng.

+ Ban Quản lý xã hoàn chỉnh dự toán theo các ý kiến đã thống nhất tại cuộc họp, trình Ủy ban nhân dân xã (kèm biên bản họp cộng đồng) để tổ chức thẩm định và phê duyệt.

- Nội dung hồ sơ xây dựng công trình:

+ Tờ trình theo phụ lục số IV;

+ Hồ sơ xây dựng gồm các nội dung:

Tên dự án, mục tiêu đầu tư, địa điểm xây dựng, chủ đầu tư, quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình (theo Quyết định 604/QĐ-UBND ngày 05/8/2014, Quyết định 996/QĐ-UBND ngày 17/6/2016, Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 21/6/2017, Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 21/6/2017,...) đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành (UBND tỉnh ban hành), thời gian thực hiện.

Tổng mức đầu tư, trong đó gồm kinh phí Nhà nước hỗ trợ (ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương các cấp), đóng góp của nhân dân, huy động khác.

Bảng kê các chi phí, trong đó, ưu tiên sử dụng vật liệu tại chỗ và đơn giá lập hồ sơ xây dựng công trình được phép áp dụng theo giá thị trường;

Bản vẽ thi công (nếu có) theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình;

Khả năng tự thực hiện của nhân dân, cộng đồng hưởng lợi;

Biên bản họp cộng đồng, ý kiến của nhân dân.

Bước 2. Thẩm định hồ sơ xây dựng công trình:

- Hồ sơ trình thẩm định gồm: Hồ sơ xây dựng công trình với nội dung quy định tại Bước 1, Khoản 2, Phần II hướng dẫn này; biên bản các cuộc họp của cộng đồng và các văn bản pháp lý liên quan đến xây dựng công trình (nếu có).

- Cơ quan thẩm định: Ủy ban nhân dân xã thành lập tổ thẩm định, gồm: Lãnh đạo UBND xã làm Tổ trưởng, đại diện Ban giám sát đầu tư cộng đồng xã, tài chính kế toán xã, chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn do cộng đồng lựa chọn để tổ chức thẩm định hồ sơ xây dựng công trình. Trong trường hợp Ủy ban nhân dân xã không đủ năng lực thẩm định thì trình cơ quan chuyên môn của huyện (phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc phòng Quản lý Đô thị) thẩm định.

- Nội dung thẩm định: Tính khả thi về kỹ thuật; mặt bằng thi công; khả năng huy động vốn (Nhà nước, đóng góp của nhân dân, các nguồn lực khác); sự

phù hợp của công trình với quy hoạch của địa phương; tính hợp lý của các chi phí so với mặt bằng giá của địa phương, với các công trình tương tự đã và đang thực hiện; khả năng tự thực hiện của nhân dân và cộng đồng được giao thi công công trình; đặc biệt quan tâm đến khả năng sử dụng vật liệu tại chỗ.

- Cơ quan chuyên môn sẽ có thông báo thẩm định hoặc Tổ thẩm định sẽ có Báo cáo kết quả thẩm định bằng văn bản (theo Phụ lục số V) gửi Ủy ban nhân dân xã. Trường hợp ý kiến thẩm định chưa thống nhất với dự thảo dự toán, phải ghi nội dung chưa thống nhất trong báo cáo kết quả thẩm định để Ban Quản lý xã điều chỉnh, bổ sung.

- Thời gian thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định: Không quá 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Bước 3. Phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình:

- Căn cứ kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo Ban Quản lý xã hoàn thiện hồ sơ, trình UBND xã phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình.

- Thời gian phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình: Không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời hạn hoàn thành thủ tục phê duyệt đầu tư dự án trước ngày 30 tháng 10 hằng năm để đủ điều kiện tổng hợp vào danh mục kế hoạch đầu tư công năm sau.

2.2. Đối với dự án do các cơ quan thuộc UBND huyện làm chủ đầu tư thực hiện quy trình, thủ tục phê duyệt dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình.

3.1. Trình tự lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình là cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ tại địa phương:

Bước 1. Ban quản lý xã dự thảo hợp đồng trong đó bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, chất lượng, tiến độ công việc cần đạt được, giá hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên; Ban quản lý xã niêm yết thông báo công khai (tối thiểu 3 ngày làm việc) về việc mời tham gia thực hiện gói thầu tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và thông báo trên các phương tiện truyền thông cấp xã, các nơi sinh hoạt cộng đồng để các cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể và tổ, nhóm thợ trên địa bàn biết. Thông báo cần ghi rõ thời gian họp bàn về phương án thực hiện gói thầu;

Bước 2. Cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ quan tâm nhận dự thảo hợp đồng để nghiên cứu và chuẩn bị đơn đăng ký thực hiện gói thầu hoặc dự án gồm: Họ tên, độ tuổi, năng lực và kinh nghiệm phù hợp với tính chất gói thầu của các thành viên tham gia thực hiện gói thầu; giá nhận thầu và tiến độ thực hiện; nộp hồ sơ cho Ban Quản lý xã.

Bước 3. Ban quản lý xã xem xét, đánh giá lựa chọn cộng đồng dân cư hoặc tổ chức đoàn thể tốt nhất và mời đại diện vào đàm phán và ký kết hợp đồng.

Chi giao tổ, nhóm thợ tại địa phương thực hiện khi cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể không có đơn đăng ký thực hiện gói thầu, dự án hoặc không đáp ứng yêu cầu;

Thời gian tối đa từ khi thông báo công khai về việc mời tham gia thực hiện gói thầu đến khi ký kết hợp đồng là 30 ngày.

3.2. Cách thức lựa chọn nhà thầu: Chủ đầu tư tổ chức họp xem xét, đánh giá, thống nhất lựa chọn nhà thầu, thành phần gồm: Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức đoàn thể của xã, ban giám sát cộng đồng, trưởng thôn, đại diện cộng đồng dân cư hoặc nhóm thợ, cá nhân trong xã có năng lực về thi công xây dựng.

- Nếu có nhiều nhóm cộng đồng dân cư hoặc nhóm thợ, cá nhân đến tham gia họp và đăng ký tham gia thi công thì chủ đầu tư lựa chọn nhà thầu có giá cả thấp nhất, tiến độ nhanh và chất lượng tốt; ưu tiên nhà thầu có kinh nghiệm thi công và giá thấp nhất.

- Trường hợp chỉ có một nhóm cộng đồng dân cư hoặc nhóm thợ, cá nhân đến tham gia họp và đăng ký tham gia thi công thì chủ đầu tư giao cho nhóm cộng đồng dân cư hoặc nhóm thợ, cá nhân đó thực hiện.

- Trường hợp không có nhóm cộng đồng dân cư hoặc nhóm thợ, cá nhân trên địa bàn xã tham gia thì lựa chọn nhóm cộng đồng dân cư hoặc nhóm thợ, cá nhân trong địa bàn huyện.

- Trường hợp không có nhóm cộng đồng dân cư hoặc nhóm thợ, cá nhân trong xã, huyện tham gia thì chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu.

3.3. Lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu: Được thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu.

4. Giám sát hoạt động xây dựng.

a) Tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình:

- Việc giám sát thi công công trình do Ban quản lý xã tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

- Ban giám sát đầu tư của cộng đồng xã tổ chức giám sát theo quy định.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện (Phòng quản lý đô thị ở thành phố) có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi việc giám sát thực hiện xây dựng công trình.

b) Giám sát cộng đồng: Thực hiện giám sát cộng đồng theo Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về Giám sát và đánh giá đầu tư

5. Nghiệm thu, bàn giao, bảo hành, bảo trì, quản lý, khai thác công trình.

a) Nghiệm thu công trình:

- Ban quản lý xã tổ chức nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng gồm: Nghiệm thu nguyên vật liệu, thiết bị; nghiệm thu từng công việc xây dựng; nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình; nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng theo quy định.

Thành phần tham gia nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng gồm: Đại diện UBND xã, Ban quản lý xã; Ban giám sát đầu tư của cộng đồng xã; đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ thi công; các thành phần có liên quan khác do UBND xã quyết định. Tùy theo trường hợp cụ thể, chủ đầu tư có thể mời thêm thành phần có liên quan tham gia nghiệm thu.

- Ủy ban nhân dân huyện (thành phố) cử cán bộ chuyên môn tham gia và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình hoàn thành của cấp xã làm cơ sở để thực hiện thanh toán, quyết toán công trình và thanh toán, quyết toán phần vốn hỗ trợ của Nhà nước.

b) Bàn giao, bảo hành, quản lý, bảo trì công trình:

- Bàn giao công trình: Sau khi nghiệm thu công trình hoàn thành, Ban quản lý xã phải bàn giao công trình và toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến công trình cho đơn vị có trách nhiệm quản lý, bảo trì và khai thác, sử dụng.

- Bảo hành công trình: Các tổ chức, cá nhân thi công xây dựng công trình có trách nhiệm về bảo hành công trình xây dựng 12 tháng.

- Quản lý, bảo trì công trình: Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc chủ quản lý sử dụng) chịu trách nhiệm quản lý, vận hành và bảo trì. Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã (hoặc cơ quan chủ quản lý sử dụng) phải có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng các công trình do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý (hoặc chủ quản lý sử dụng), huy động công lao động nhân dân địa phương và các nguồn lực hợp pháp khác để duy tu, bảo dưỡng công trình.

6. Thanh toán vốn đầu tư.

a) Hồ sơ pháp lý gửi một lần của dự án:

Để phục vụ cho công tác quản lý, kiểm soát thanh toán vốn đầu tư, chủ đầu tư gửi hồ sơ, tài liệu đến Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản thanh toán (các tài liệu này đều là bản chính hoặc bản sao có đóng dấu sao y bản chính của chủ đầu tư, chỉ gửi một lần cho đến khi dự án kết thúc đầu tư, trừ trường hợp phải bổ sung, điều chỉnh), bao gồm:

- Đối với dự án chuẩn bị đầu tư: Văn bản phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền kèm theo dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư được lập theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020.

- Đối với thực hiện dự án:

Quyết định phê duyệt Hồ sơ xây dựng công trình của Ủy ban nhân dân xã kèm theo Hồ sơ xây dựng công trình;

Hợp đồng thực hiện dự án/gói thầu được ký kết giữa Ban quản lý xã và đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ.

b) Tạm ứng vốn:

- Nguyên tắc tạm ứng, mức vốn tạm ứng; thu hồi vốn tạm ứng; kiểm tra, đánh giá thực hiện và thu hồi tạm ứng vốn: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020. Bảo lãnh tạm ứng vốn thực hiện theo hướng dẫn của Kho Bạc Nhà nước.

- Hồ sơ tạm ứng vốn: Để được tạm ứng vốn, chủ đầu tư gửi đến Kho bạc Nhà nước các tài liệu sau:

+ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư theo Phụ lục số VI.

+ Chứng từ chuyên tiền ban hành theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính (trường hợp chuyển khoản thông qua người đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ).

7. Thanh toán khối lượng hoàn thành.

a) Đối với nguồn vốn ngân sách các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng xây dựng:

- Nguyên tắc thanh toán: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020.

- Hồ sơ thanh toán (đối với tất cả các loại dự án):

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu và đại diện bên nhận thầu theo Phụ lục số VIIa.

+ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư theo Phụ lục số VI.

+ Chứng từ chuyên tiền ban hành theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính. Đối với dự án, gói thầu thực hiện theo hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng; cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ được thanh toán bằng tiền mặt hoặc chứng từ chuyển khoản thông qua người đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ.

b) Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng xây dựng (như một số công việc quản lý dự án do chủ đầu tư trực tiếp thực hiện, công việc tư vấn được phép tự làm và các công việc khác).

- Hồ sơ thanh toán bao gồm:

+ Dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho từng công việc;

+ Bảng kê giá trị khối lượng công việc hoàn thành (có chữ ký và đóng dấu của chủ đầu tư); chủ đầu tư không phải gửi chứng từ chi, hóa đơn mua sắm đến Kho bạc Nhà nước, chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng và giá trị đề nghị thanh toán theo dự toán được duyệt phù hợp với tính chất từng loại công việc Phụ lục số VIIc.

+ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư theo Phụ lục số VI.

+ Chứng từ chuyển tiền ban hành theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính.

- Hồ sơ đối với các trường hợp khác:

+ Đối với chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có), hồ sơ thanh toán bao gồm: (1) Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (2) Bảng xác nhận giá trị khối lượng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện (Phụ lục số VIIb kèm theo); (3) Hợp đồng và biên bản bàn giao (trường hợp mua nhà phục vụ di dân giải phóng mặt bằng); (4) Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; (5) Chứng từ chuyển tiền.

+ Riêng chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Kho bạc Nhà nước căn cứ vào dự toán chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành; Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; Chứng từ chuyển tiền.

+ Đối với công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phải xây dựng các công trình (bao gồm cả xây dựng nhà di dân giải phóng mặt bằng): việc tạm ứng, thanh toán được thực hiện như đối với các dự án hoặc gói thầu xây dựng công trình.

+ Khi dự án hoàn thành được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán nhưng chưa được thanh toán đủ vốn theo giá trị phê duyệt quyết toán, Kho bạc Nhà nước căn cứ vào quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và kế hoạch vốn được giao trong năm của dự án để kiểm soát thanh toán cho dự án. Hồ sơ, tài liệu thanh toán gồm: Quyết định phê duyệt quyết toán kèm báo cáo quyết toán dự án hoàn thành; Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; Chứng từ chuyển tiền.

Chủ đầu tư tạm ứng, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản thông qua người đại diện của cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ và không yêu cầu bảo lãnh tạm ứng vốn. Người đại diện thanh toán trực tiếp cho người dân tham gia thực hiện thi công xây dựng dự án, gói thầu.

Chủ đầu tư và Ban giám sát đầu tư của cộng đồng có trách nhiệm giám sát chặt chẽ việc thanh toán tiền công cho người dân.

8. Thời hạn lập hồ sơ đề nghị thanh toán và thời hạn thanh toán:

- Thời hạn lập hồ sơ đề nghị thanh toán: Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán (hoặc tạm ứng) hợp lệ của nhà thầu; Chủ đầu tư phải hoàn thành thủ tục đề nghị thanh toán (hoặc tạm ứng) và chuyển hồ sơ thanh toán (hoặc tạm ứng) tới Kho bạc nhà nước (nơi mở tài khoản).

- Thời hạn thanh toán: Căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán (hoặc tạm ứng) do Chủ đầu tư gửi; trong vòng 04 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ tài liệu), Kho bạc nhà nước thực hiện việc kiểm soát thanh toán (hoặc tạm ứng) cho các đại diện nhóm thợ hoặc nhà thầu thực hiện công trình.

9. Quyết toán vốn đầu tư.

a) Quyết toán vốn đầu tư hàng năm.

Thực hiện theo quy định của Thông tư số 85/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm.

b) Quyết toán dự án hoàn thành.

- Các dự án khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng phải lập báo cáo quyết toán và được thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo quy định tại Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính, và các quy định về quản lý tài chính hiện hành.

- Hồ sơ quyết toán dự án đầu tư xây dựng công trình hoàn thành gồm các biểu mẫu báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành kèm theo các văn bản pháp lý liên quan theo Phụ lục số VIII (biểu mẫu số 01/QTDA và 02/QTDA).

- Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành:

+ Khi công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, chậm nhất sau 03 tháng, Chủ đầu tư phải lập xong báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành. Chậm nhất sau 01 tháng, đơn vị chức năng thuộc quyền quản lý của Người quyết định đầu tư phải thực hiện xong công tác thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành (theo Phụ lục số IX), trình Người quyết định đầu tư phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành (theo Phụ lục số X), Người quyết định đầu tư phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành (theo Phụ lục số XI).

+ Trường hợp đơn vị chức năng thuộc quyền quản lý của Người quyết định đầu tư không đủ năng lực thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, Chủ đầu tư báo cáo Người quyết định đầu tư lựa chọn một trong các hình thức sau: đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện (thành phố) thẩm tra báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành; thành lập Tổ thẩm tra quyết

toán để thực hiện thẩm tra trước khi phê duyệt quyết toán, thành phần của Tổ công tác thẩm tra quyết toán gồm thành viên của các đơn vị có liên quan.

10. Tiếp nhận, quản lý và thanh toán phần vốn huy động các nguồn lực khác để thực hiện đầu tư xây dựng công trình

- Tiếp nhận, quản lý, sử dụng vốn huy động: Việc tiếp nhận vốn huy động thực hiện Quyết định số 44/2008/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Ban hành Quy chế huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

- Việc thanh toán vốn huy động:

+ Đối với đóng góp bằng tiền: Ủy ban nhân dân xã căn cứ phần vốn nhân dân đóng góp thực tế, giao Ban quản lý xã thanh toán cho nhà thầu theo tỷ lệ được ghi trong quyết định phê duyệt dự toán đầu tư. Khi rút tiền thanh toán cho các nhà thầu hồ sơ gồm: Quyết định phê duyệt dự toán trong đó có nêu rõ tỷ lệ đóng góp và chứng từ chuyển tiền ban hành theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính.

+ Đối với phần vốn đóng góp bằng hiện vật, ngày công lao động và hình thức khác: UBND xã căn cứ dự toán hiện vật, công lao động nhân dân đóng góp, giá trị đóng góp theo dự toán đầu tư được phê duyệt; bảng thống kê hiện vật, công lao động nhân dân, giá trị đóng góp, thực hiện phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

11. Quản lý thực hiện theo hình thức Ngân sách hỗ trợ vật liệu xây dựng

1. Đối với hỗ trợ xi măng:

a) Xi măng do huyện hỗ trợ: Ủy ban nhân dân huyện (thành phố) tổ chức lựa chọn nhà thầu cung ứng xi măng theo hình thức chào hàng cạnh tranh quy định tại Mục 2, Chương V, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ để lựa chọn nguồn xi măng đảm bảo chất lượng, có giá thành đến chân công trình thấp nhất; tổ chức cấp phát xi măng cho các xã, thôn theo kế hoạch phân bổ và chịu trách nhiệm quản lý và thanh quyết toán theo quy định.

b) Đối với xi măng do tỉnh hỗ trợ chỉ thực hiện đối với các công trình giao thông nông thôn: Trên cơ sở kế hoạch vốn hỗ trợ xi măng được tỉnh giao, Sở Giao thông vận tải tổ chức lựa chọn nhà thầu cung ứng xi măng theo hình thức chào hàng cạnh tranh theo quy định tại Mục 2, Chương V, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014; tổ chức cấp phát cho các huyện (thành phố), theo kế hoạch vốn được phân bổ và chịu trách nhiệm quản lý và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ xi măng theo quy định. Ủy ban nhân dân các huyện (thành phố) tổ chức phân bổ xi măng cho các chủ đầu tư và nộp chứng từ cấp phát về Sở Giao thông vận tải để quyết toán.

2. Đối với hỗ trợ cát, đá xây dựng được hỗ trợ bằng tiền, trên nguyên tắc:

a) Kinh phí hỗ trợ phải được lập, thẩm định, phê duyệt trong dự toán công trình theo quy định.

b) Ưu tiên sử dụng vật liệu tại chỗ, nhưng giá mua không được cao hơn giá vật liệu xây dựng được công bố hàng tháng trên địa bàn.

c) Nhà thầu thi công chủ động mua, Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu khối lượng vật liệu và thanh toán cho nhà thầu. Nếu là vật liệu do nhà thầu tự khai thác (cát, đá, cuội sỏi,...) thì được thanh toán chi phí khai thác và vận chuyển đến chân công trình (được phê duyệt trong dự toán công trình).

3. Về thanh toán, quyết toán công trình: Đối với phần vốn Nhà nước hỗ trợ: thực hiện theo điểm a, mục 7, phần II, Hướng dẫn này.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các cơ quan

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì hướng dẫn triển khai thực hiện, công khai quy trình, thủ tục theo hướng dẫn này. Theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình triển khai thực hiện theo hướng dẫn này.

b) Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện, công khai quy trình, thủ tục theo hướng dẫn này; Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư bổ sung, điều chỉnh hướng dẫn khi cần thiết.

2. Điều khoản thi hành

a) Hướng dẫn này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018.

b) Trong quá trình tổ chức thực hiện có gì vướng mắc cần kịp thời báo về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải và Kho bạc nhà nước tỉnh Lạng Sơn để xem xét, điều chỉnh, bổ sung kịp thời./.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
SỞ TÀI CHÍNH
SỞ XÂY DỰNG

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
KHO BẠC NHÀ NƯỚC

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Chiến

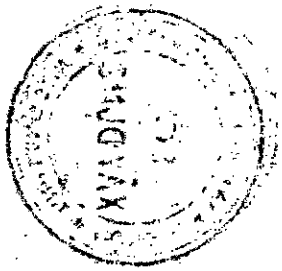
GIÁM ĐỐC
Đoàn Chu Hà

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Kim Tiến

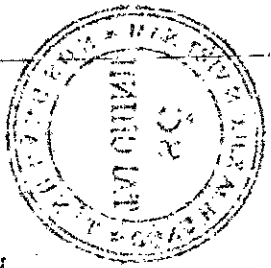
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Hải

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Quốc Toàn

Handwritten text, possibly a name or address, written vertically.



Handwritten text, possibly a name or address, written vertically.



Handwritten text, possibly a name or address, written vertically.



Handwritten text, possibly a name or address, written vertically.

PHỤ LỤC I

MẪU VĂN BẢN BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 160 /HDLN-SKHĐT-STC-SXD-SGTVT-KBNN
ngày 01 tháng 8 năm 2018)

(CƠ QUAN TRÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THẨM ĐỊNH) Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-UBND, ngày tháng năm 201

TỜ TRÌNH

Thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ, khởi công mới năm 201 ..., sử dụng vốn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định)

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ pháp lý khác (có liên quan);

UBND huyện trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ, khởi công mới năm 201....., sử dụng vốn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia....., với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tổng số dự án: dự án.
2. Dự án nhóm: C quy mô nhỏ.
3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án:
4. Cấp Quyết định đầu tư dự án:
5. Tên Chủ đầu tư:
6. Địa điểm thực hiện dự án:
7. Dự kiến tổng mức đầu tư toàn bộ danh mục dự án: triệu đồng.
(trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn vốn, phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể).
8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định:

9. Ngành lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định:.....

10. Thời gian thực hiện (Tiến độ và phân kỳ đầu tư thực hiện dự án)

a) Tiến độ thực hiện:

b) Phân kỳ đầu tư thực hiện dự án:

DVT: Triệu đồng

| Cơ cấu nguồn vốn | Tổng mức đầu tư | Trong đó | | |
|------------------|-----------------|----------|----------|----------|
| | | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 |
| | | | | |
| | | | | |
| Tổng cộng | | | | |

11. Hình thức đầu tư dự án:

II. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

Kèm theo đầy đủ các hồ sơ theo quy định tại điều 20 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015.

(Tên cơ quan) trình Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ, khởi công mới năm 201...., sử dụng vốn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia..... ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư;
- Cơ quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án;
- Cơ quan liên quan khác;
- Lưu: VT.

Đại diện cơ quan trình

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

PHỤ LỤC II

MẪU VĂN BẢN TỜ TRÌNH ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 160 /HDLN-SKHĐT-STC-SXD-SGTVT-KBNN
ngày 01 tháng 8 năm 2018)

(CƠ QUAN TRÌNH
THẨM ĐỊNH)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-UBND, ngày tháng năm 201

TỜ TRÌNH

Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ, khởi công mới năm 201 ..., sử dụng vốn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định)

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ pháp lý khác (có liên quan);

UBND huyện trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ, khởi công mới năm 201....., sử dụng vốn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia....., với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tổng số dự án: dự án.
2. Dự án nhóm: C quy mô nhỏ.
3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án:
4. Cấp Quyết định đầu tư dự án:
5. Tên Chủ đầu tư:
6. Địa điểm thực hiện dự án:
7. Dự kiến tổng mức đầu tư toàn bộ danh mục dự án: triệu đồng.
(trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn vốn, phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể).

8. Nguồn vốn đề nghị thẩm định:

9. Ngành lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định:.....

10. Thời gian thực hiện (Tiến độ và phân kỳ đầu tư thực hiện dự án)

a) Tiến độ thực hiện:

b) Phân kỳ đầu tư thực hiện dự án:

ĐVT: Triệu đồng

| Cơ cấu nguồn vốn | Tổng mức đầu tư | Trong đó | | |
|------------------|-----------------|----------|----------|----------|
| | | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 |
| | | | | |
| | | | | |
| Tổng cộng | | | | |

11. Hình thức đầu tư dự án:

II. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

Kèm theo đây đủ các hồ sơ theo quy định tại điều 21 Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015.

(Tên cơ quan) trình Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ, khởi công mới năm 201....., sử dụng vốn ngân sách Trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia..... ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư;
- Cơ quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án;
- Cơ quan liên quan khác;
- Lưu: VT.

Đại diện cơ quan trình

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

PHỤ LỤC III

MẪU VĂN BẢN BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 160 /HDLN-SKHĐT-STC-SXD-SGTVT-KBNN
ngày 01 tháng 8 năm 2018)

TÊN CƠ QUAN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
----- Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày tháng năm

BÁO CÁO

Đề xuất chủ trương đầu tư danh mục dự án.....

Kính gửi: (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án)

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác (có liên quan),

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án) Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên danh mục dự án:
2. Dự án nhóm:
3. Cấp quyết định đầu tư dự án:
4. Tên chủ đầu tư (nếu có):
5. Địa điểm thực hiện dự án:
6. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án:

(trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn, phân kỳ đầu tư sử dụng nguồn vốn theo thời gian cụ thể):

7. Thời gian thực hiện:
8. Các thông tin khác (nếu có):

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

Nội dung chủ yếu Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư danh mục dự án nhóm C: báo cáo đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 36 của Luật Đầu tư

công.

(Tên cơ quan) trình (Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án) xem xét, quyết định quyết định chủ trương đầu tư dự án (Tên dự án)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);
- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế mẫu được lựa chọn kèm theo (nếu có);
- Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật khu vực dự án;
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án (nếu có);
- Thuyết minh hồ sơ xây dựng công trình (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán, bao gồm: Ngân sách nhà nước, đóng góp của nhân dân, hoặc nguồn hỗ trợ khác);
- Bảng kê chi phí, trong đó ưu tiên sử dụng vật liệu tại chỗ và đơn giá lập hồ sơ xây dựng theo đơn giá thị trường.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

PHỤ LỤC SỐ V
MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 160 /HDLN-SKHĐT-STC-SXD-SGTVT-KBNN
ngày 01 tháng 9 năm 2018)

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày ... tháng năm

V/v thông báo kết quả thẩm định dự án...

Kính gửi: (Tên Đơn vị trình)

(Cơ quan thẩm định) đã nhận Văn bản số ... ngày ... của ... trình thẩm định dự án (Tên dự án đầu tư).

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ khác có liên quan

Sau khi xem xét, tổng hợp ý kiến và kết quả thẩm tra của các cơ quan, tổ chức có liên quan, (Cơ quan thẩm định) thông báo kết quả thẩm định dự án (tên dự án) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:

.....

2. Mục tiêu đầu tư:.....

3. Địa điểm xây dựng:

.....

4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):

.....

5. Quy mô:.....

6. Tiêu chuẩn thiết kế áp dụng:

7. Thời gian thực hiện:

.....

8. Tổng mức đầu tư:.....

9. Nguồn vốn đầu tư: (Bao gồm: Vốn NSNN; vốn đóng góp của nhân dân).....

10. Các thông tin khác (nếu có):

.....

II. HỒ SƠ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

1. Văn bản pháp lý:

.....
(Liệt kê các văn bản pháp lý trong hồ sơ trình)

2. Hồ sơ xây dựng công trình:

3. Biên bản các cuộc họp cộng đồng:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ DỰ ÁN TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ dự án trình thẩm định được gửi kèm theo Tờ trình thẩm định dự án của Tổ chức trình thẩm định.

IV. TỔNG HỢP Ý KIẾN CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Tổng hợp ý kiến của các đơn vị phối hợp theo chức năng nhiệm vụ.

V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

- a) Đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất của địa phương, các quy hoạch xây dựng và đề án xây dựng nông thôn mới cấp xã;
- b) Đánh giá sự phù hợp của thiết kế mẫu, thiết kế điển hình với điều kiện thực tế của mặt bằng thi công công trình;
- c) Tính khả thi về kỹ thuật, khả năng tự thực hiện của nhân dân và cộng đồng được giao thi công;
- d) Chủ trương đầu tư và khả năng huy động vốn (Nhà nước, đóng góp của nhân dân, các nguồn lực khác) theo quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư và báo cáo thẩm định nguồn vốn và mức vốn ngân sách Nhà nước (đối với dự án được đầu tư từ phần vốn ngân sách Nhà nước không thuộc ngân sách cấp xã trực tiếp đầu tư);
- đ) Tính hợp lý của các chi phí so với mặt bằng giá của địa phương (giá thị trường), với các dự án tương tự khác đã và đang thực hiện (nếu có).

VI. KẾT LUẬN

Dự án (Tên dự án) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Trên đây là thông báo của (Cơ quan thẩm định) về kết quả thẩm định dự án (Tên dự án). Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định./.

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng
dấu (nếu có))

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- ...;
- Lưu.

PHỤ LỤC SỐ VI
MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 160 /HDLN-SKHĐT-STC-SXD-SGTVT-KBNN
ngày 01 tháng 8 năm 2018)

Chủ đầu tư:.....
Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

Kính gửi: Kho bạc nhà nước

Tên dự án, công trình: Mã dự án đầu tư:

Chủ đầu tư/Ban QLDA mã số ĐVSDNS:

Số tài khoản của chủ đầu tư: - Vốn trong nước tại:

- Vốn ngoài nước tại.....

Căn cứ hợp đồng số: ngày... tháng ...năm.. Phụ lục bổ sung hợp đồng số...ngày...tháng...năm...

Căn cứ bảng xác định giá trị KLHT đề nghị thanh toán số... ngày ... tháng ...năm (kèm theo Biên bản nghiệm thu KLHT)

Lũy kế giá trị khối lượng nghiệm thu của hạng mục đề nghị thanh toán: đồng.

Số dư tạm ứng của hạng mục đề nghị thanh toán đồng.

Số tiền đề nghị:

| | |
|---------|------------|
| Tạm ứng | Thanh toán |
|---------|------------|

Theo bảng dưới đây (khung nào không sử dụng thì gạch chéo)

Thuộc nguồn vốn: (đầu tư nguồn NSNN;....)

Thuộc kế hoạch vốn: Năm...

Đơn vị: đồng

| Nội dung | Dự toán được duyệt hoặc giá trị trúng thầu hoặc giá trị hợp đồng | Lũy kế số vốn đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước (gồm cả tạm ứng) | | Số đề nghị tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành kỳ này (gồm cả thu hồi tạm ứng) | |
|---|--|---|--------|--|--------|
| | | Vốn TN | Vốn NN | Vốn TN | Vốn NN |
| Ghi tên công việc, hạng mục hoặc hợp đồng đề nghị thanh toán hoặc tạm ứng | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tổng | | | | | |

Tổng số tiền đề nghị tạm ứng, thanh toán bằng số:

Bằng chữ:

Trong đó: - Thanh toán để thu hồi tạm ứng (bằng số):

+ Vốn trong nước

+ Vốn ngoài nước

- Thuế giá trị gia tăng
- Chuyển tiền bảo hành (bằng số)
- Số trả đơn vị thụ hưởng (bằng số)
- + Vốn trong nước
- + Vốn ngoài nước
- Tên đơn vị thụ hưởng
- Số tài khoản đơn vị thụ hưởngtại

KẾ TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngàythángnăm....
CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

PHÂN GHI CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày nhận giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư.....

Kho bạc nhà nước chấp nhận

Tạm ứng

Thanh toán

Theo nội dung sau:

(Khung nào không sử dụng thì gạch chéo)

Đơn vị: đồng/USD...

| Nội dung | Tổng số | Vốn trong nước | Vốn ngoài nước |
|---------------------------|---------|----------------|----------------|
| Số vốn chấp nhận | | | |
| + Mục..., tiểu mục | | | |
| + Mục..., tiểu mục | | | |
| + Mục..., tiểu mục | | | |
| + Mục..., tiểu mục | | | |
| Trong đó: | | | |
| + Số thu hồi tạm ứng | | | |
| Các năm trước | | | |
| Năm nay | | | |
| + Thuế giá trị gia tăng | | | |
| + | | | |
| + Số trả đơn vị thụ hưởng | | | |
| <i>Bằng chữ:</i> | | | |
| Số từ chối: | | | |
| <i>Lý do:</i> | | | |

Ghi chú:

.....

.....

CÁN BỘ THANH TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC KBNN
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ VIIa
BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH
THEO HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 160 /HDLN-SKHĐT-STC-SXD-SGTVT-KBNN
ngày 01 tháng 8 năm 2018)

Tên dự án: _____ Mã dự án: _____
 Tên gói thầu: _____
 Hợp đồng số: _____ ngày tháng năm 20... Phụ lục bổ sung hợp đồng
 số ngày tháng năm _____
 Chủ đầu tư: _____
 Nhà thầu: _____
 Thanh toán lần thứ: _____
 Căn cứ xác định: _____
 Biên bản nghiệm thu số ngày tháng năm

Đơn vị: đồng

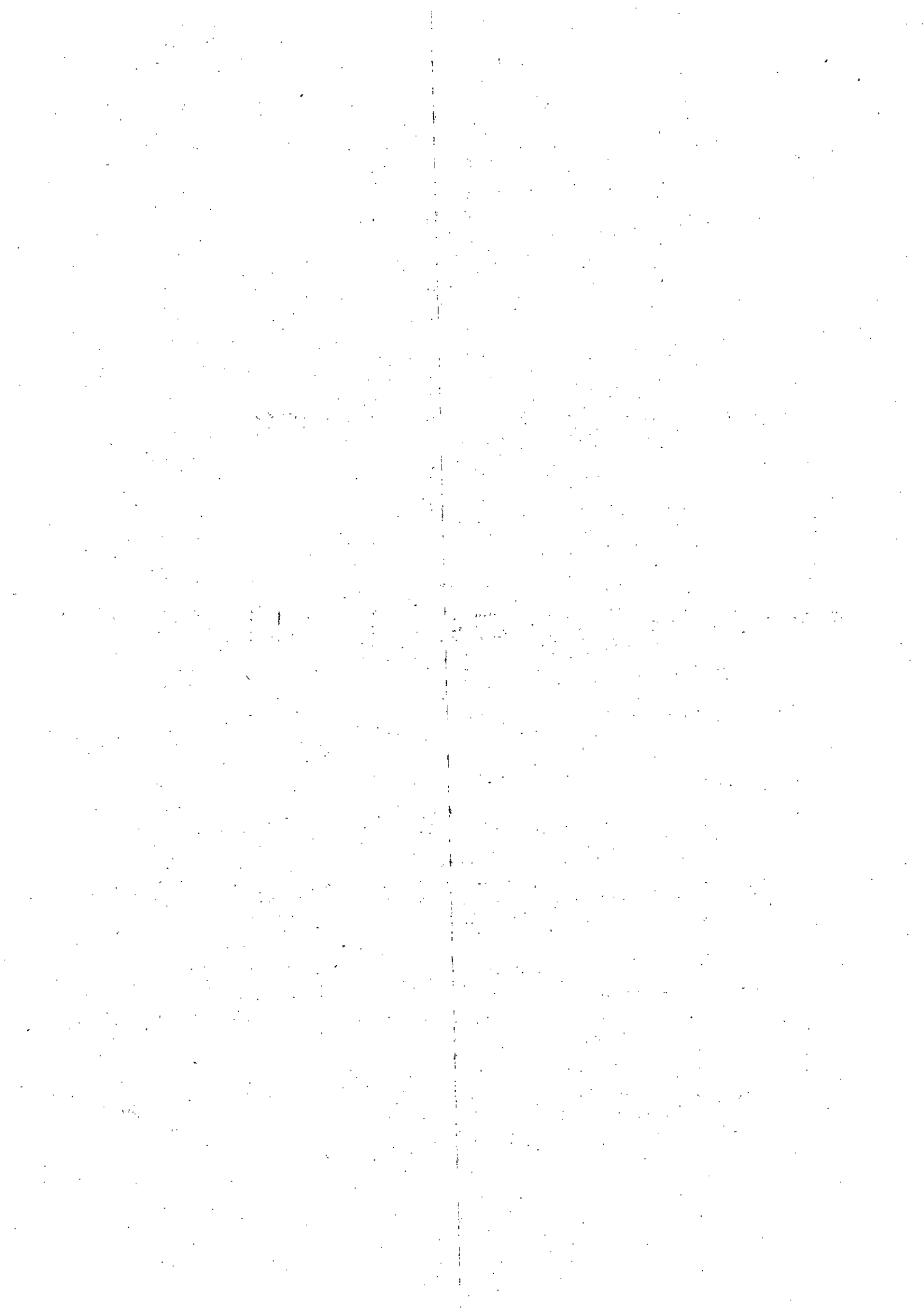
| Số TT | Tên công việc | Đơn vị tính | Khối lượng | | | | Đơn giá thanh toán | | Thành tiền (đồng) | | | | Ghi chú | |
|-------|-----------------|-------------|---------------|-------------------------|------------------|-----------------------|--------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|------------------|-----------------------|---------|--|
| | | | Theo hợp đồng | Thực hiện | | | Theo hợp đồng | Đơn giá bổ sung (nếu có) | Theo hợp đồng | Thực hiện | | | | |
| | | | | Lũy kế đến hết kỳ trước | Thực hiện kỳ này | Lũy kế đến hết kỳ này | | | | Lũy kế đến hết kỳ trước | Thực hiện kỳ này | Lũy kế đến hết kỳ này | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |
| | Tổng số: | | | | | | | | | | | | | |

1. Giá trị hợp đồng:
 2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:
 3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:
 4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:
 5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng:
 6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:
- Số tiền bằng chữ:(là số tiền đề nghị thanh toán kỳ này)
7. Lũy kế giá trị thanh toán:

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: Đối với trường hợp hợp đồng do cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ thực hiện thì bên đại diện nhà thầu do người đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ nhóm thợ ký tên, không cần đóng dấu.



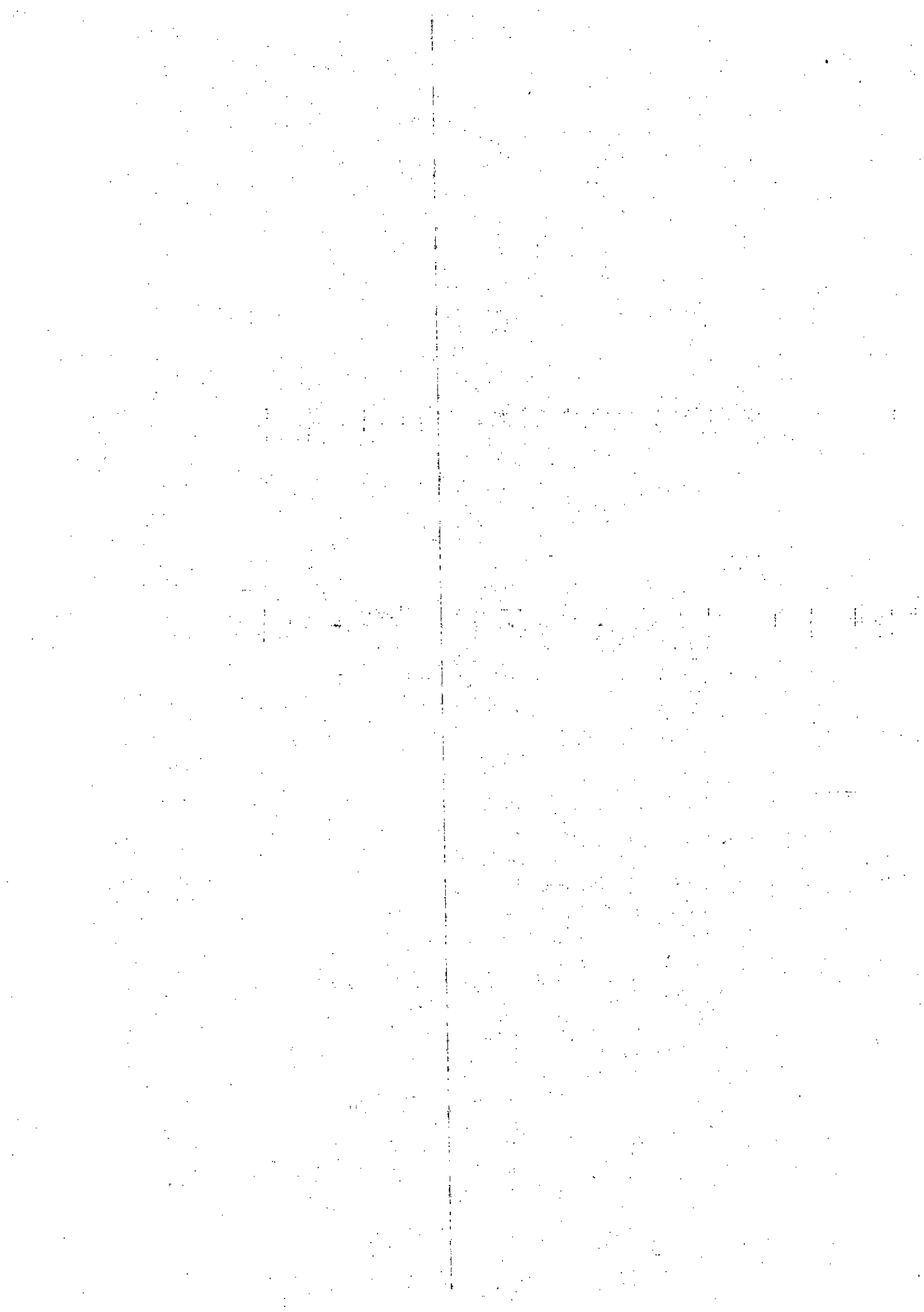
PHỤ LỤC SỐ VIIIb
BẢNG KÊ XÁC NHẬN GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ ĐÃ THỰC HIỆN
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 160 /HDLN-SKHĐT-STC-SXD-SGTVT-KBNN ngày 01 tháng 8 năm 2018018)

Đơn vị: đồng

| STT | Nội dung | QĐ phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư | | Số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã chi trả cho đơn vị thụ hưởng theo phương án được duyệt | Ghi chú |
|-----|---|--|---------|---|---------|
| | | Số, ngày, tháng, năm | Số tiền | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| I | Thanh toán cho các cơ quan, tổ | | | | |
| | 1..... | | | | |
| | 2..... | | | | |
| II | Thanh toán trực tiếp cho hộ dân: | | | | |
| | | | | | |

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Ngày... tháng ... năm ...
TỔ CHỨC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)



PHỤ LỤC SỐ VIIc
BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC PHÁT SINH
NGOÀI HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 160 /HDLN-SKHĐT-STC-SXD-SGTVT-KBNN
ngày 01 tháng 8 năm 2018)

Tên dự án: _____ Mã dự án: _____
 Tên gói thầu: _____
 Hợp đồng số: _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ Phụ lục bổ sung hợp đồng
 số ngày _____ tháng _____ năm _____
 Chủ đầu tư: _____
 Nhà thầu: _____
 Thanh toán lần thứ: _____
 Căn cứ xác định: _____
 Biên bản nghiệm thu số ngày tháng năm

Đơn vị: đồng

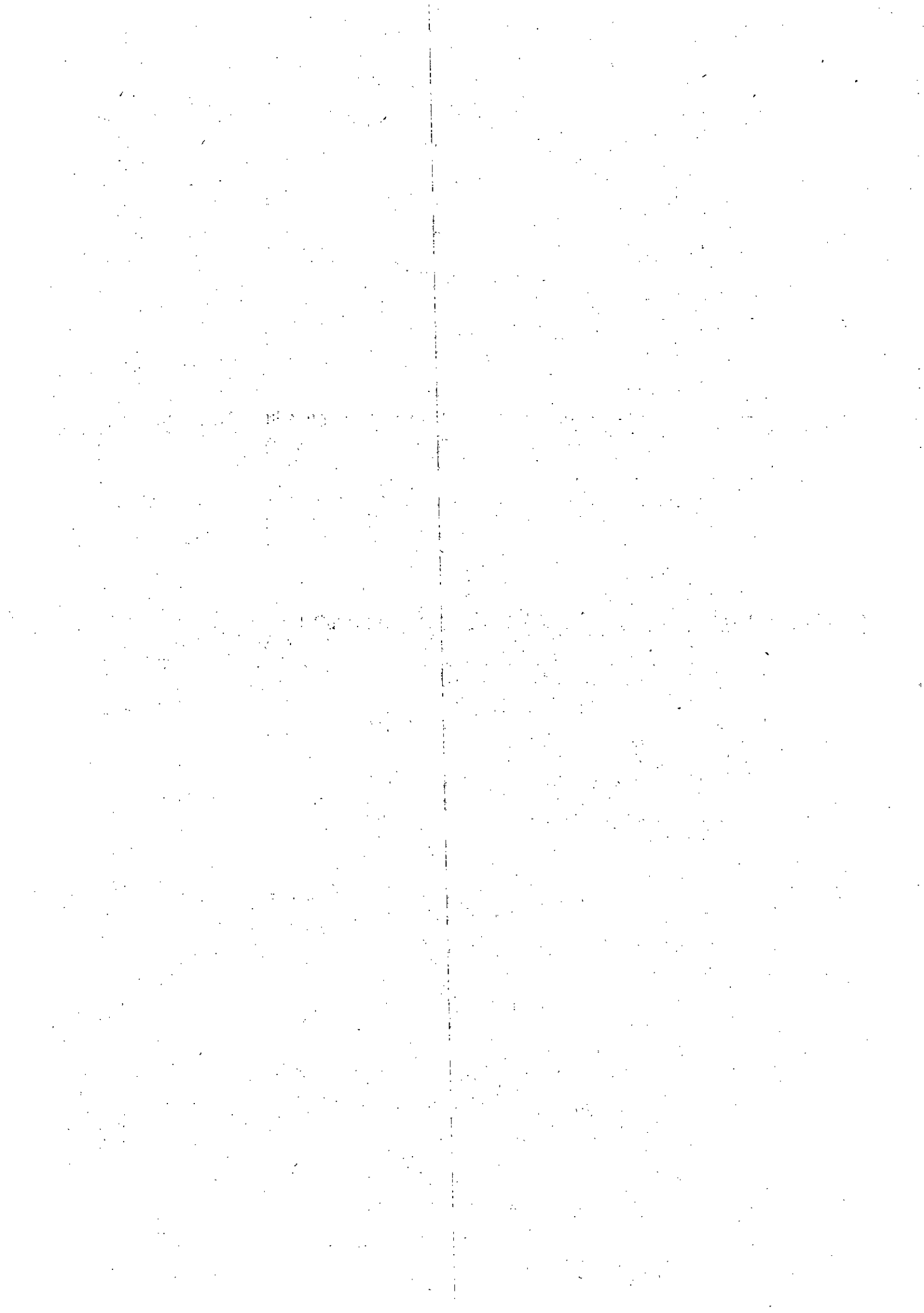
| Số TT | Tên công việc | Đơn vị tính | Khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng | | | | Đơn giá thanh toán | | Thành tiền | | | Ghi chú |
|-------|-----------------|-------------|-------------------------------------|-------------------------|------------------|-----------------------|--------------------|--------------------------|-------------------------|------------------|-----------------------|---------|
| | | | Tổng khối lượng phát sinh | Thực hiện | | | Theo hợp đồng | Đơn giá bổ sung (nếu có) | Lũy kế đến hết kỳ trước | Thực hiện kỳ này | Lũy kế đến hết kỳ này | |
| | | | | Lũy kế đến hết kỳ trước | Thực hiện kỳ này | Lũy kế đến hết kỳ này | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 |
| | | | | | | | | | | | | |
| | Tổng số: | | | | | | | | | | | |

1. Tổng giá trị khối lượng phát sinh:
 2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:
 3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:
 4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:
 5. Thanh toán thu hồi tạm ứng:
 6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:
- Số tiền bằng chữ: (là số tiền đề nghị thanh toán kỳ này)
7. Lũy kế giá trị thanh toán:

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Ngày ... tháng ... năm 20...
ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: Đối với trường hợp hợp đồng do cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ thực hiện thì bên đại diện nhà thầu do người đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ nhóm thợ ký tên, không cần đóng dấu.



| | | | | | | | | | | | | | | |
|---|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: | | | | | | | | | | | | | |
| | Dựán... | | | | | | | | | | | | | |
| | Vốn trong nước | | | | | | | | | | | | | |
| | Vốn ngoài nước | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Chênh lệch vốn thanh toán trong năm: | | | | | | | | | | | | | |
| | Dựán... | | | | | | | | | | | | | |
| | Vốn trong nước | | | | | | | | | | | | | |
| | Vốn ngoài nước | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | |

Ghi chú: - Cột số 4 "Lũy kế vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết niên độ năm trước" không bao gồm số vốn đã thanh toán cho dự án từ nguồn vốn ứng trước

- Cột số 7 "Kế hoạch vốn được kéo dài": đề nghị chỉ ghi phần vốn còn lại chưa giải ngân thuộc kế hoạch năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán sang năm 20...

.... ngày ... tháng... năm 20...

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

.... ngày ... tháng... năm 20...

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

HƯỚNG DẪN LẬP CÁC BIỂU MẪU BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN HOÀN THÀNH.

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 160 /HDLN-SKHĐT-STC-SXD-SGTVT-KBNN
ngày 01 tháng 8 năm 2018)

1. Biểu mẫu số 01/QTDA:

- Điểm 1. Các văn bản pháp lý và hồ sơ tài liệu liên quan:

Cột (2) tên văn bản: ghi theo trình tự thời gian của các văn bản liên quan đến toàn bộ quá trình, giai đoạn đầu tư của dự án, từ chủ trương đầu tư, Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình, Quyết định phê duyệt thiết kế dự toán hoặc Quyết định phê duyệt dự toán chi tiết và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có), Quyết định chỉ định thầu hoặc trúng thầu (nếu có), hồ sơ quyết toán hợp đồng, biên bản nghiệm thu; báo cáo kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành của đơn vị kiểm toán độc lập (nếu có); kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra, báo cáo kiểm toán của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước và các hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan thẩm tra quyết toán.

- Điểm 2. Nguồn vốn đầu tư của dự án:

+ Cột (2) tên các nguồn vốn: ghi tất cả những nguồn vốn tham gia đầu tư vào dự án (nguồn nào không có thì không ghi);

+ Cột (3) ghi theo số liệu trong quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc trong quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình;

+ Cột (4) nguồn vốn đã thực hiện thực hiện: ghi theo số liệu của bảng đối chiếu số liệu sử dụng nguồn vốn đầu tư (theo biểu mẫu số 02/QTDA).

+ Cột (5) chênh lệch tăng, giảm: Số chênh lệch được tính = Cột (4) - Cột (3).

- Điểm 3. Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán: là tổng cộng toàn bộ các chi phí của dự án đầu tư sau khi Chủ đầu tư đối chiếu, rà soát tất cả các bản quyết toán với từng nhà thầu tham gia thực hiện dự án đầu tư;

Vốn đầu tư đề nghị quyết toán được phân theo cơ cấu: xây dựng, thiết bị, chi phí khác để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Điểm 4: ghi giá trị chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản;

- Điểm 5: ghi tổng giá trị tài sản cố định được hình thành qua đầu tư;

- Điểm 6: ghi tổng giá trị tài sản lưu động (nếu có) của dự án đầu tư;

- Điểm 7. Tình hình thanh toán và công nợ của dự án

Ghi chi tiết theo từng cá nhân, đơn vị thực hiện tương ứng với từng nội dung công việc, hợp đồng thực hiện.

Số phải trả = Giá trị được A-B chấp nhận thanh toán - Đã thanh toán, tạm ứng

Số phải thu = Giá trị đã thanh toán, tạm ứng - Giá trị được A-B chấp nhận thanh toán

Tài sản cố định và Tài sản lưu động được phân loại theo quy định hiện hành.

- Điểm 8: thuyết minh ngắn gọn, ghi các ý kiến nhận xét và những kiến nghị quan trọng.

2. Biểu mẫu số 02/QTDA:

- Điểm 1. Nguồn vốn đầu tư đã thanh toán đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán: tổng hợp toàn bộ số vốn đã thanh toán cho các đơn vị, cá nhân trong quá trình thực hiện dự án tính đến ngày bàn giao, khóa sổ để lập báo cáo quyết toán.

+ Cột (3) do Chủ đầu tư ghi.

+ Cột (4) do Kho bạc Nhà nước (nơi Chủ đầu tư mở tài khoản) ghi (yêu cầu ghi đúng số vốn đã thanh toán cho dự án đầu tư trên sổ sách theo dõi).

**BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA XÃ.....**

Biểu mẫu số: 01/QTDA
(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 160 /HDLN-SKHĐT-STC-SXD-
SGTVT-KBNN ngày 01 tháng 8 năm 2018)

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ DỰ ÁN/HẠNG MỤC HOÀN THÀNH

Tên dự án đầu tư:

1. Các văn bản pháp lý và hồ sơ tài liệu có liên quan:

| SỐ TT | TÊN VĂN BẢN | KÝ HIỆU, NGÀY THÁNG NĂM BAN HÀNH | CƠ QUAN BAN HÀNH | GIÁ TRỊ ĐƯỢC DUYỆT (NẾU CÓ) | GHI CHÚ |
|-------|-------------|--|---------------------|--------------------------------|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | |
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |

2. Nguồn vốn đầu tư của dự án:

Đơn vị tính: đồng.

| SỐ TT | TÊN CÁC NGUỒN VỐN | NGUỒN VỐN THEO DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐƯỢC DUYỆT | NGUỒN VỐN ĐÃ THỰC HIỆN | TĂNG (+), GIẢM (-) SO VỚI ĐƯỢC DUYỆT |
|-------|----------------------------------|---|------------------------------|--|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) = (4) - (3) |
| 1 | Ngân sách trung ương | | | |
| 2 | Trái phiếu Chính phủ | | | |
| 3 | Ngân sách cấp tỉnh, huyện hỗ trợ | | | |
| | Tổng cộng 1+2+3 | | | |

3. Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán:

Đơn vị tính: đồng.

| STT | NỘI DUNG CHI PHÍ | DỰ TOÁN ĐƯỢC DUYỆT | GIÁ TRỊ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN | TĂNG, GIẢM SO VỚI DỰ TOÁN |
|-----|---|-----------------------|----------------------------------|---------------------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 1 | Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | | | |
| 2 | Chi phí xây dựng | | | |
| 3 | Chi phí thiết bị | | | |
| 4 | Chi phí quản lý dự án | | | |
| 5 | Chi phí tư vấn | | | |
| 6 | Chi phí khác | | | |
| | Tổng cộng | | | |

4. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng:

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản:

5. Giá trị tài sản cố định mới tăng:

Biểu mẫu số 02/QTDA

(Ban hành kèm theo Hướng dẫn số 160 /HDLN-SKHĐT-STC-
SXD-SGTVT-KBNN ngày 04 tháng 8 năm 2018)

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU SỬ DỤNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Ban Quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia xã:

Tên dự án đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư đã thanh toán đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán:

Đơn vị tính: đồng

| SỐ TT | TÊN CÁC NGUỒN VỐN | SỐ LIỆU CỦA CHỦ ĐẦU TƯ | SỐ LIỆU CỦA CƠ QUAN THANH TOÁN VỐN | CHÊNH LỆCH |
|-------|----------------------------------|------------------------|------------------------------------|---------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) = (3)-(4) |
| 1 | Ngân sách trung ương | | | |
| 2 | Trái phiếu Chính phủ | | | |
| 3 | Ngân sách cấp tỉnh, huyện hỗ trợ | | | |
| | Tổng cộng 1+2+3 | | | |

2. Nhận xét, kiến nghị: Ý kiến nhận xét, kiến nghị đối với cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của cơ quan quản lý, thanh toán vốn đầu tư; nêu những nguyên nhân chênh lệch và kiến nghị xử lý (nếu có):

..., ngày tháng năm...

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

KÊ TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

..., ngày tháng năm...

CƠ QUAN THANH TOÁN VỐN

KIỂM SOÁT, THANH TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC SỐ IX

Mẫu báo cáo thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành

(Kèm theo hướng dẫn số 160 /HDLN-SKHĐT-STC-SXD-SGTVT-KBNN ngày 01 tháng 8 năm 2018)

UBND XÃ (huyện).....
Ban quản lý dự án (Phòng KH-TC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành

Tên dự án đầu tư:.....

Hạng mục:.....

Địa điểm:.....

Thời gian khởi công:.....

Thời gian hoàn thành đưa vào sử dụng:.....

Chủ đầu tư:.....

- Căn cứ Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 21/4/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Hướng dẫn số /HDLN-SKHĐT-STC-SXD-SGTVT-KBNN ngày /6/2018 của Liên ngành Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải và Kho Bạc Nhà nước hướng dẫn việc thanh toán, quyết toán các dự án công trình giao thông áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016 - 2020;

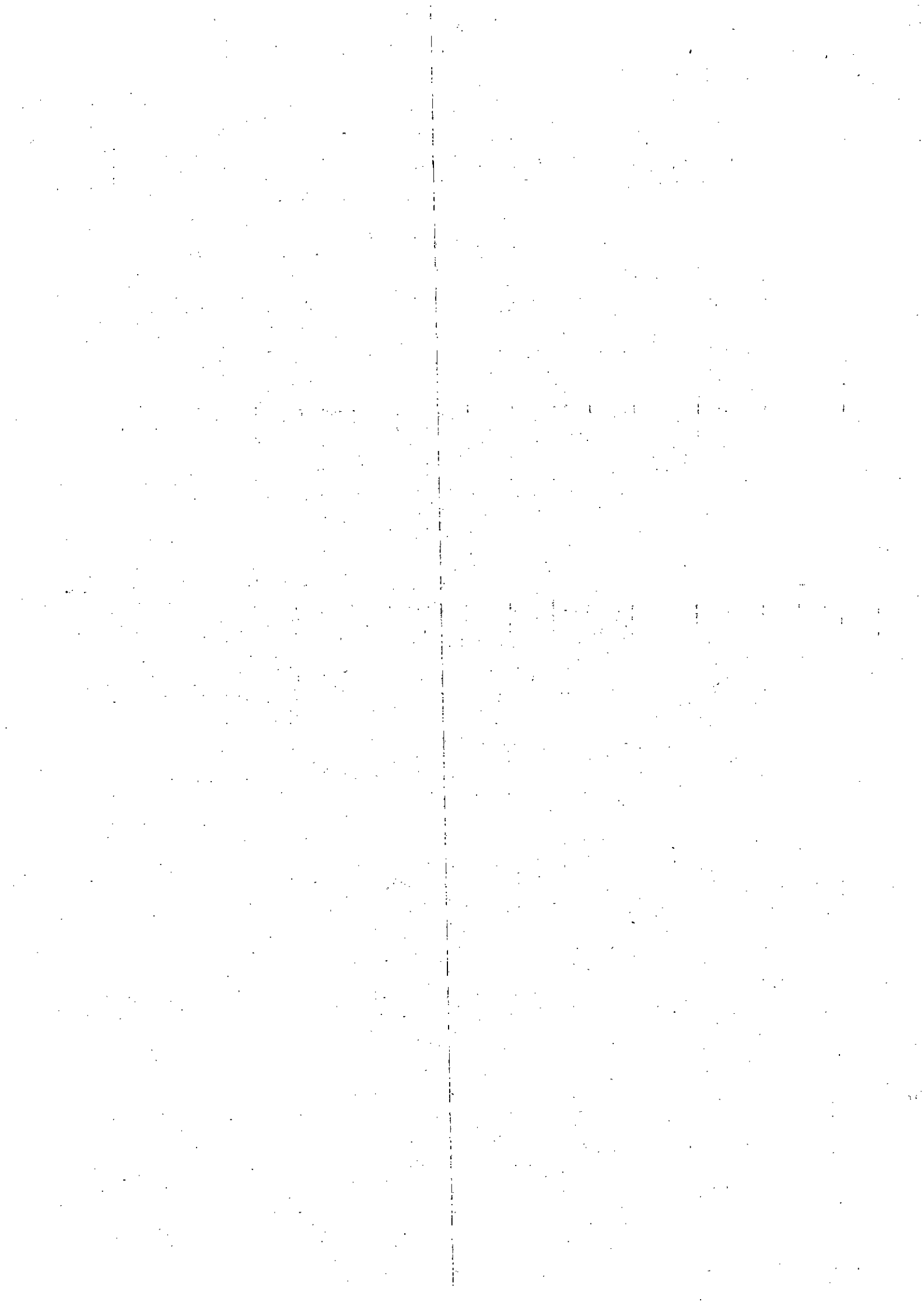
Căn cứ

Căn cứ đề nghị phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của Ban quản lý dự án xã tại Tờ trình số /TTr-BQLDA ngày tháng năm ;

Tổ công tác thẩm tra quyết toán của xã..... (Phòng KH-TC) thẩm tra với kết quả như sau:

1. Về hồ sơ pháp lý:

1.1 Trình tự thủ tục thực hiện các văn bản pháp lý liên quan đến quá trình đầu tư và xây dựng công trình:.....



1.2 Tính pháp lý của các văn bản, hồ sơ thiết kế trình tự và duyệt văn bản; nội dung và thẩm quyền phê duyệt văn bản:.....

1.3 Việc thực hiện cơ chế đặc thù, hợp đồng kinh tế:

- Quản lý dự án, giám sát:.....
- Hợp đồng thi công xây dựng:.....

2. Về nguồn vốn đầu tư của dự án:

2.1 Cơ cấu nguồn vốn:

Đơn vị tính: đồng.

| SỐ TT | NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ | TỔNG DỰ TOÁN ĐƯỢC DUYỆT | SỐ VỐN ĐÃ THANH TOÁN | GHI CHÚ |
|-------|--|-------------------------|----------------------|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 1 | Ngân sách xã | | | |
| 2 | Ngân sách cấp huyện hỗ trợ | | | |
| 3 | Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ | | | |
| 4 | Nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân | | | |
| 5 | Nguồn đóng góp của nhân dân | | | |
| | Tổng cộng 1+2+3+4+5 | | | |

- Việc sử dụng nguồn vốn đầu tư so với cơ cấu đầu tư theo dự toán được duyệt:.....

2.2 Vốn đầu tư thực hiện hàng năm:

Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, vốn thanh toán hàng năm của chủ đầu tư và cơ quan thanh toán:.....

3. Về chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng.

| STT | NỘI DUNG CHI PHÍ | DỰ TOÁN ĐƯỢC DUYỆT | GIÁ TRỊ ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN | GIÁ TRỊ THẨM TRA | CHÊNH LỆCH |
|-----|---|--------------------|----------------------------|------------------|------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (4) | (5) |
| 1 | Chi phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (nếu có) | | | | |
| 2 | Chi phí xây dựng | | | | |
| 3 | Chi phí thiết bị | | | | |
| 4 | Chi phí quản lý dự án | | | | |
| 5 | Chi phí tư vấn | | | | |
| 6 | Chi phí khác | | | | |

| | | | | |
|------------------|--|--|--|--|
| Tổng cộng | | | | |
|------------------|--|--|--|--|

3.1 Giá trị đề nghị quyết toán so với dự toán được duyệt:.....

3.2 Giá thẩm tra so với giá trị đề nghị quyết toán:.....

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

| Tên tài sản | Theo thực tế đầu tư | | Theo giá trị quy đổi về thời điểm bàn giao | |
|----------------|---------------------|------------------|--|------------------|
| | Tài sản cố định | Tài sản lưu động | Tài sản cố định | Tài sản lưu động |
| Tổng số | | | | |
| Tên công trình | | | | |

5. Tình hình công nợ, vật tư, thiết bị bị tồn đọng:

Tổng các khoản công nợ tính đến ngày.....

- Nợ phải thu:.....

- Nợ phải trả:.....

6. Nhận xét, kiến nghị:

6.1 Nhận xét, đánh giá:

- Việc chấp hành quy định của nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng:....

- Về quản lý dự toán xây dựng công trình:.....

- Về quản lý khối lượng thi công xây dựng công trình:.....

6.2 Kiến nghị:

- Giá trị quyết toán vốn đầu tư:.....

TỔ THẨM TRA QUYẾT TOÁN (các thành viên ký tên)

Nguyễn Văn A:.....

Hoàng Thị X:.....

PHỤ LỤC SỐ X

Mẫu Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

(Kèm theo Hướng dẫn số 160 /HDLN-SKHĐT-STC-SXD-SGTVT-KBNN ngày 01 tháng 8 năm 2018)

UBND XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Ban quản lý dự án

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-BQLDA

....., ngày tháng... năm.....

TỜ TRÌNH

Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

Công trình:.....

Kính gửi: UBND xã.....

Căn cứ Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn;

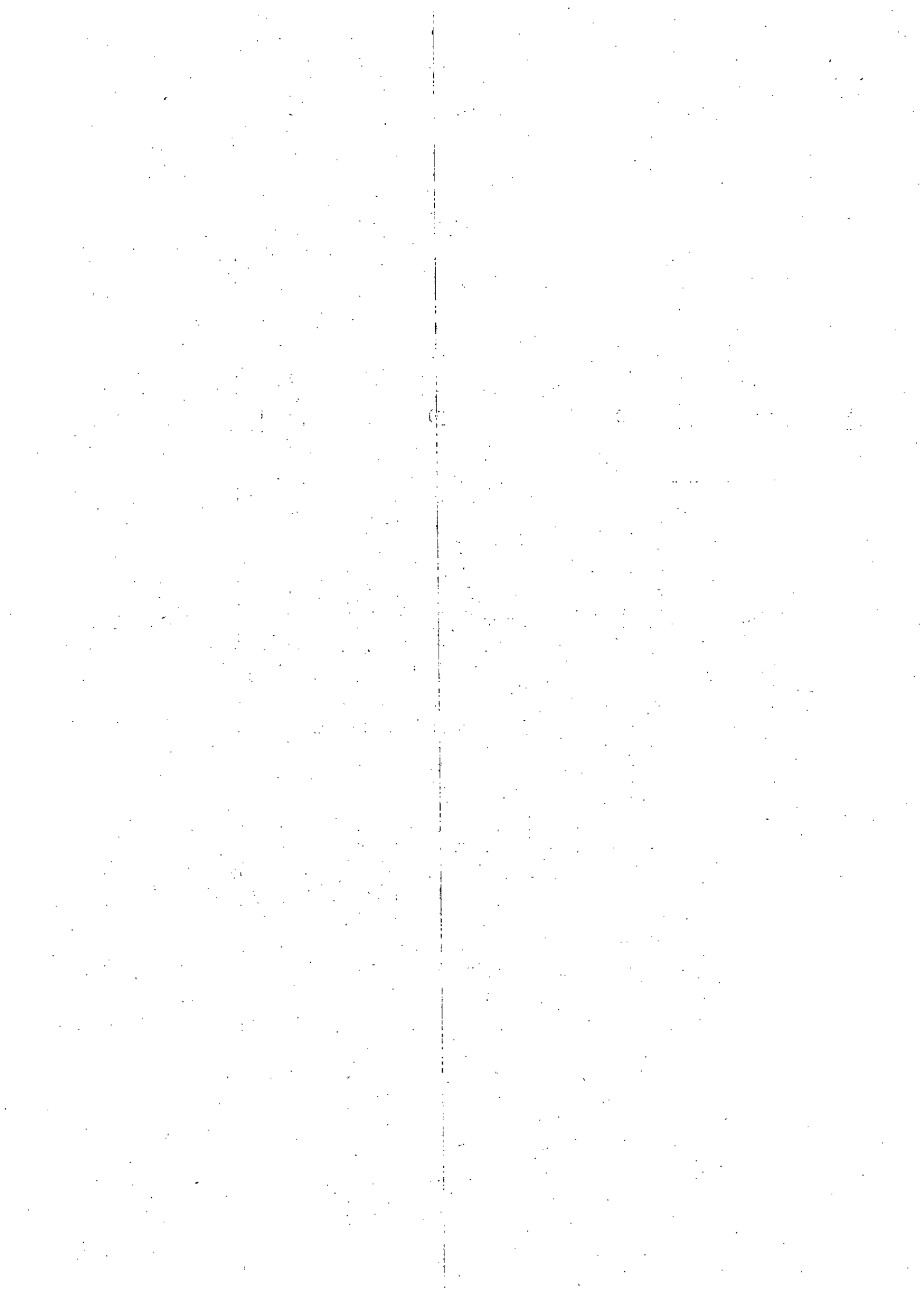
Căn cứ Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 21/4/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Hướng dẫn số /HDLN-SKHĐT-STC-SXD-SGTVT ngày /8/2018 của Liên ngành Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải và Kho Bạc Nhà nước hướng dẫn việc thanh toán, quyết toán các dự án công trình giao thông áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2018 của UBND xã về việc phê duyệt dự toán công trình:.....

Trên cơ sở khối lượng hoàn thành, giá trị nghiệm thu của công trình..... Ban quản lý dự án trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành như sau:

- I/ **Tổng giá trị dự toán được duyệt:**
- 1 Chi phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (nếu có)
- 2 Chi phí xây dựng
- 3 Chi phí thiết bị
- 4 Chi phí quản lý dự án
- 5 Chi phí tư vấn
- 6 Chi phí khác



II/ Tổng giá trị nghiệm thu A-B:

- 1 Chi phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (nếu có)
- 2 Chi phí xây dựng
- 3 Chi phí thiết bị
- 4 Chi phí quản lý dự án
- 5 Chi phí tư vấn
- 6 Chi phí khác

III/ Tổng giá trị đã thanh toán:

- 1 Chi phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (nếu có)
- 2 Chi phí xây dựng
- 3 Chi phí thiết bị
- 4 Chi phí quản lý dự án
- 5 Chi phí tư vấn
- 6 Chi phí khác

V/ Tổng giá trị chưa thanh toán:

- 1 Chi phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (nếu có)
- 2 Chi phí xây dựng
- 3 Chi phí thiết bị
- 4 Chi phí quản lý dự án
- 5 Chi phí tư vấn
- 6 Chi phí khác

(Có hồ sơ chi tiết kèm theo)

Ban quản lý dự án trình UBND xã..... thẩm định, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước theo nội dung trên./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
rõ họ tên
-
- Lưu VT.

TRƯỞNG BAN

(Ký, đóng dấu, ghi

PHỤ LỤC SỐ XI

Mẫu Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

(Kèm theo hướng dẫn số 160 /HDLN-SKHĐT-STC-SXD-SGTVT-KBNN ngày 08 tháng 8 năm 2018)

UBND XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

....., ngày tháng... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về Cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 21/4/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Hướng dẫn số /HDLN-SKHĐT-STC-SXD-SGTVT-KBNN ngày /8/2018 của Liên ngành Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải và Kho Bạc Nhà nước hướng dẫn việc thanh toán, quyết toán các dự án công trình giao thông áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành ngày tháng năm của Tổ công tác thẩm tra quyết toán của xã..... (Phòng KH-TC),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình:

1. Tên công trình:.....
2. Chủ đầu tư:
3. Địa điểm xây dựng:

4. Tiến độ xây dựng công trình:

- Ngày khởi công:

- Ngày hoàn thành:

Điều 2. Kết quả đầu tư.

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị: đồng

| SỐ TT | NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ | ĐƯỢC DUYỆT | THỰC HIỆN | |
|----------|--|---------------|---------------|---------------------|
| | | | Đã thanh toán | Còn được thanh toán |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 1 | Ngân sách xã | | | |
| 2 | Ngân sách cấp huyện hỗ trợ | | | |
| 3 | Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ | | | |
| 4 | Nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân | | | |
| 5 | Nguồn đóng góp của nhân dân | | | |
| | Tổng cộng 1+2+3+4+5 | | | |

2. Chi phí đầu tư.

Đơn vị tính: đồng.

| STT | NỘI DUNG | DỰ TOÁN | GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN |
|-----|---|---------|--------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) |
| 1 | Chi phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (nếu có) | | |
| 2 | Chi phí xây dựng | | |
| 3 | Chi phí thiết bị | | |
| 4 | Chi phí quản lý dự án | | |
| 5 | Chi phí tư vấn | | |
| 6 | Chi phí khác | | |
| | Tổng cộng | | |

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không có

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư.

Đơn vị tính: đồng.

| Nội dung | Thuộc chủ đầu tư quản lý | | Giao đơn vị khai thác quản lý | |
|---------------------|--------------------------|-------------|-------------------------------|-------------|
| | Giá thực tế | Giá quy đổi | Giá thực tế | Giá quy đổi |
| Tổng số | | | | |
| 1. Tài sản cố định | | | | |
| 2. Tài sản lưu động | | | | |

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan.

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

1.1 .Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng.

| STT | NGUỒN | SỐ TIỀN | GHI CHÚ |
|-----|--|---------|---------|
| (1) | (2) | (3) | (4) |
| 1 | Ngân sách xã | | |
| 2 | Ngân sách cấp huyện hỗ trợ | | |
| 3 | Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ | | |
| 4 | Nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân | | |
| 5 | Nguồn đóng góp của nhân dân | | |
| | Tổng cộng 1+2+3+4+5 | | |

1.2. Tình hình công nợ của dự án:

Tổng các khoản công nợ tính đến ngày tháng năm là.....

- Nợ phải thu:.....

- Nợ phải trả:.....

Chi tiết các khoản công nợ theo phụ lục số..... kèm theo.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Ghi tăng tài sản với tổng giá trị là:

Đơn vị tính: đồng.

| Đơn vị tiếp nhận tài sản | Tài sản cố định | Tài sản lưu động |
|--------------------------|-----------------|------------------|
| | | |
| | | |
| Tổng số | | |

Điều 4. Chánh văn phòng, Trưởng Ban quản lý dự án xã và trưởng thôn.... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND;
- Phòng: KTHT, KHTC huyện;
- Lưu: VT,

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)